

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4040510 nhóm 01 Tên học phần: Địa chất công trình Việt Nam
Mã CBGD: 0405-02 Tên CBGD: Đỗ Minh Toàn

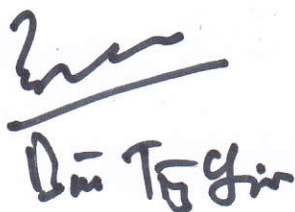
Số tin chi: 2

Trang 1 / 2

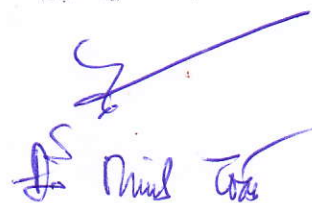
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321020409	Lương Tuấn Anh	23/05/1995	DCDCCT58A	4	5	7		6	6	6	6	4.8	
2	1321020416	Nguyễn Tuấn Anh	15/10/1995	DCDCCT58A	5	8	7.5		7.8	9	10	9.5	6.3	
3	1321020424	Nguyễn Văn Ba	04/10/1995	DCDCCT58A	2	6.5	7		6.8	8	10	9	4.1	
4	1321020018	Trần Ngọc Ban	16/04/1995	DCDCCT58A	5.5	6	6		6	8	10	9	6.0	
5	1321020022	Trịnh Đình Bình	16/08/1994	DCDCCT58A		2	7		4.5	7	6	6.5	2.0	
6	1321020438	Nguyễn Đức Chiêu	17/11/1995	DCDCCT58A	8.5	8	8		8	9	10	9.5	8.5	
7	1321020029	Phan Thanh Chuyển	26/02/1995	DCDCCT58B	7.5	7	6.5		6.8	9	10	9.5	7.5	
8	1321020034	Hoàng Văn Cường	24/10/1995	DCDCCT58A	4.5	6	6.5		6.3	8	10	9	5.5	
9	1321020037	Nguyễn Văn Cường	20/04/1995	DCDCCT58A	3	7	6		6.5	9	10	9.5	4.7	
10	1321020451	Đào Ngọc Diệp	04/10/1995	DCDCCT58A	7	7.5	8		7.8	10	10	10	7.5	
11	1321020459	Trần Tiến Dũng	14/05/1995	DCDCCT58A	0	6	8		7	8	6	7	2.8	
12	1321020053	Phạm Ngọc Duy	21/11/1995	DCDCCT58A	2	3	8.5		5.8	8	10	9	3.8	
13	1321020056	Đoàn Văn Dương	09/02/1995	DCDCCT58A	4.5	6.5	6		6.3	8	10	9	5.5	
14	1321020061	Hoàng Tiến Đạt	05/08/1995	DCDCCT58A	2	5	6		5.5	8	10	9	3.8	
15	1321030499	Khuất Tiến Đạt	16/10/1995	DCDCCT58A	0	6	5		5.5	7	6	6.5	2.3	
16	1321020496	Hoàng Anh Đức	28/06/1995	DCDCCT58A	8	7	8		7.5	10	10	10	8.1	
17	1321030524	Trần Nhật Đức	24/11/1995	DCDCCT58A	2	5	6		5.5	8	10	9	4.4	
18	1321020083	Trần Mạnh Hà	15/01/1995	DCDCCT58A	3	5	6		5.5	8	10	9	4.4	
19	1321020087	Phạm Bá Hải	21/08/1995	DCDCCT58B	8.5	2	7		4.5	7	10	8.5	7.3	
20	1321020088	Trần Hoàng Hải	04/12/1994	DCDCCT58A	6	7.5	7		7.3	8	6	7	6.5	
21	1321020097	Vũ Đức Hiệp	14/03/1995	DCDCCT58A	2	3	5		4	7	10	8.5	3.3	
22	1221020061	Bùi Quang Hiếu	03/11/1994	DCDCCT57A	2.5	4	5		4.5	6	3	4.5	3.3	
23	1321020106	Đinh Ngọc Hoàn	13/10/1995	DCDCCT58A	2	3	5		4	7	10	8.5	3.3	
24	1321020514	Ngô Thanh Hoàn	18/08/1995	DCDCCT58A	3	6	6		6	6	10	8	4.4	
25	1321020111	Vũ Văn Huân	20/02/1995	DCDCCT58A	5	6	6		6	8	10	9	5.7	
26	1321020114	Bùi Ngọc Hùng	19/07/1995	DCDCCT58A		0	0		0	4	6	5	0.5	
27	1321020119	Vũ Quang Huy	20/05/1995	DCDCCT58A	4	7	8		7.5	9	10	9.5	5.6	
28	1321020125	Trần Quang Khải	25/10/1994	DCDCCT58A	5	5	6		5.5	8	10	9	5.6	
29	1321020587	Đào Trọng Khang	28/09/1995	DCDCCT58A	7.5	6	8		7	9	10	9.5	7.6	
30	1321020126	Hồ Đăng Khang	10/10/1995	DCDCCT58A	2	8	6		7	9	10	9.5	4.9	
31	1321020596	Sỹ Danh Kiên	31/07/1995	DCDCCT58A	3	8	6		7	9	10	9.5	4.9	
32	1321020601	Trần Khánh Lâm	05/05/1995	DCDCCT58A	5	5	6		5.5	8	10	9	5.6	
33	1321020139	Nguyễn Văn Linh	11/09/1995	DCDCCT58B	5.5	7	8		7.5	8	6	7	6.3	
34	1321020611	Phạm Duy Long	24/04/1994	DCDCCT58A	3.5	6	8		7	9	10	9.5	5.2	
35	1221020092	Nguyễn Đình Lộc	30/11/1993	DCDCCT57A	4.5	8	7		7.5	8	6	7	5.7	
36	1121020121	Phạm Duy Mạnh	06/10/1993	DCDCCT56B		0	0		0	0	0	0	0.0	
37	1321020630	Hoàng Văn Mậu	28/04/1994	DCDCCT58A	5	6.5	6.5		6.5	9	10	9.5	5.9	
38	1321020148	Nguyễn Hữu Minh	14/07/1995	DCDCCT58A	6.5	4	7		5.5	8	10	9	6.5	
39	1321020644	Nguyễn Phương Nam	10/06/1995	DCDCCT58A	3	7.5	6.5		7.0	9	10	9.5	4.9	
40	1321020655	Cao Sỹ Nhân	22/06/1994	DCDCCT58A	6.5	8	6		7	9	10	9.5	7.0	
41	1321020671	Trần Văn Phúc	04/11/1994	DCDCCT58A	4.5	6.5	6		6.3	8	10	9	5.5	
42	1321020675	Đỗ Thị Phương	06/04/1995	DCDCCT58A	6	7	7		7	9	10	9.5	6.7	
43	1321020173	Nguyễn Hùng Quân	06/03/1995	DCDCCT58A	4.5	7.5	6.5		7.0	8	6	7	5.5	
44	1221020122	Đỗ Xuân Quyết	26/11/1994	DCDCCT57B	1	8	5		6.5	8	10	9	3.5	
45	1321020691	Nguyễn Văn Quyết	28/02/1995	DCDCCT58A	7	9	7		8	10	10	10	7.6	

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2018

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Phương

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Đỗ Minh Toàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 2 - Năm học 2016-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4040510 nhóm 01 Tên học phần: Địa chất công trình Việt Nam
Mã CBGD: 0405-02 Tên CBGD: Đỗ Minh Toàn

Số tin chỉ: 2

Trang 2 / 2

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
46	1321020694	Bùi Đình Sơn	02/09/1995	DCDCCT58A	4.5	7	6		6.5	8	10	9	5.6	
47	1321020705	Nguyễn Ngọc Tân	20/04/1995	DCDCCT58A	3	7.5	6		6.8	8	6	7	4.5	
48	1321020189	Trương Văn Tây	25/07/1995	DCDCCT58A	2	9	7		8	10	10	10	4.6	
49	1321020723	Lê Trọng Thập	15/06/1995	DCDCCT58A	5	6	6		6	8	10	9	5.7	
50	1321020727	Nguyễn Huy Thịnh	16/12/1994	DCDCCT58A	4	7	7		7	9	10	9.5	5.5	
51	1321020735	Trương Thị Thu	19/01/1995	DCDCCT58A	8	6	6		6	8	6	7	7.3	
52	1321020738	Lê Đình Thuật	21/02/1994	DCDCCT58A	8	8	7		7.5	9	10	9.5	8.0	
53	1321020217	Đặng Thành Thức	04/11/1994	DCDCCT58A	7	8.5	8		8.3	10	10	10	7.7	
54	1321020753	Vũ Đình Tiến	28/06/1994	DCDCCT58A	3	7.5	6		6.8	8	6	7	4.5	
55	1321020755	Vũ Văn Tính	04/11/1995	DCDCCT58B	5	7.5	7		7.3	9	10	9.5	6.1	
56	1321020222	Ngô Đức Toàn	15/08/1995	DCDCCT58A	2	7.5	6.5		7.0	8	6	7	4.0	
57	1321020225	Bùi Văn Tới	17/05/1994	DCDCCT58A	5	5	7		6	8	10	9	5.7	
58	1321020760	Nguyễn Thị Trang	11/12/1994	DCDCCT58A	9	7	8		7.5	9	10	9.5	8.6	
59	1321020808	Nguyễn Anh Vinh	24/05/1995	DCDCCT58A	7.5	5	6.5		5.8	8	10	9	7.1	
60	1321020810	Mạc Tuấn Vũ	23/03/1995	DCDCCT58A	6.5	9	7		8	9	10	9.5	7.3	

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2017

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Bùi Trung Li

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Đỗ Minh Toàn